

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/DS - PT
Ngày: 26 - 02 - 2024
“V/v Tranh chấp ranh giới
quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Mai

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2023/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp lỗi đi chung”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS - ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1935; nơi cư trú: Thôn PT, xã YP, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Ch: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn PT, xã YP, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

2. Bị đơn: Cụ Phan Văn T, sinh năm 1940 và cụ Đào Văn Th, sinh năm 1931; đều cư trú tại: Thôn PT, xã YP, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cụ Nguyễn Thị L, sinh năm 1953; nơi cư trú: Thôn PT, xã YP, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

- Cụ Nguyễn Thị Ng; nơi cư trú: Thôn PT, xã YP, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

- Phan Kiều H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn PT, xã YP, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

4. Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 9 năm 2021, các lời khai tiếp theo của cụ Nguyễn Thị Ch và người đại diện theo ủy quyền của cụ Ch và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị D trình bày:

Năm 1975, cụ Nguyễn Thị Ch mua đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 01, diện tích 266m², địa chỉ tại thôn PT, xã YP, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc (gọi tắt là thửa 93) của gia đình cụ Nguyễn Văn Ch1. Sau khi mua đất của gia đình cụ Ch1, cùng năm gia đình cụ Ch chuyển đến thửa đất 93 để ở. Liên kề với thửa đất 93 là thửa đất số 128, tờ bản đồ số 01, diện tích 428m² (gọi tắt là thửa 128) nhà cụ T. Giữa thửa đất 93 với thửa đất 128 có một lối đi chung đi ra phía sau ao làng hiện là thửa đất số 94, tờ bản đồ số 01, diện tích 324m² (gọi tắt là thửa đất 94) nhà cụ T. Vị trí lối đi chung này được xác định từ cổng nhà cụ Ch đi sâu vào thửa đất 94 của cụ T. Chiều dài là 19,5m, chiều rộng là 2,1m, tổng diện tích là 40,95m².

Phần diện tích của lối đi chung này, gia đình cụ T đã sử dụng từ năm 1978 và hiện đang làm bếp, công trình phụ và trồng rau. Ranh giới giữa thửa đất 93 với thửa đất 128, ban đầu chỉ là bờ rào trồng cây cúc tần và cây dứa dại. Đến năm 2008, nhà cụ T phá hàng rào cây cúc tần và cây dứa dại đi xây tường bao loan như không xây tường đúng mốc giới cũ của lối đi chung này. Cụ Ch không biết tờ bản đồ nào quy hoạch về lối đi chung trên, chỉ biết trên thực tế lối đi chung này có trước thời điểm gia đình cụ Ch chuyển đến ở thửa đất 93. Do vậy, cụ Ch xác định lối đi chung vào thửa đất 94 của gia đình nhà cụ T là đất công cộng không phải là đất của gia đình cụ T. Hiện tại, cụ T đang sử dụng toàn bộ lối đi chung này là hành vi lấn chiếm nên cụ Ch khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc cụ T phải trả lại lối đi chung này cho gia đình cụ Ch đi lại.

Liên kề với thửa đất 93 là thửa đất 92, tờ bản đồ số 01, diện tích 392m² (gọi tắt là thửa 92) nhà ông Tr con trai cụ Th. Liên kề với thửa đất 92 là thửa đất 91, tờ bản đồ số 01, diện tích 246m² (gọi tắt là thửa 91) nhà cụ Th. Liên kề với thửa đất 91 là thửa đất 129 nhà cụ L1. Bắt đầu từ thửa đất 129 đi sâu vào thửa đất 93 là con đường ngõ xóm. Tại vị trí con đường ngõ xóm đi qua thửa đất 128 và 91. Gia đình cụ T xây dựng tường bao loan, nhà vệ sinh, nhà bếp lấn chiếm ra đất đường ngõ xóm kéo dài từ thửa đất 127 nhà cụ Giang đến góc cột điện rẽ vào cổng nhà cụ Ch, chiều dài 11m, chiều rộng 0,2m, tổng diện tích lấn chiếm là 2,2m². Từ góc cột điện rẽ vào cổng nhà cụ Ch, gia đình cụ T xây dựng công trình lấn chiếm ra đất đường ngõ xóm, chiều dài 15,5m, chiều rộng 0,4m, tổng diện tích lấn chiếm là 6,2m². Từ mốc giới thửa đất 129 và thửa đất 91 kéo dài đến góc cột điện rẽ vào cổng nhà cụ Ch, gia đình cụ Th xây tường bao loan lấn chiếm ra đất đường ngõ xóm, chiều dài là 12m, chiều rộng là 0,2m, tổng diện tích lấn chiếm là 2,4m².

Ranh giới giữa thửa đất 91 và đường ngõ xóm trước khi gia đình cụ Th xây tường bao loan là bờ rào trồng cây cúc tần và cây dứa dại. Đến năm 2021, gia đình cụ Th phá bờ rào trồng cây cúc tần và cây dứa dại để xây tường bao loan, gia đình cụ Th không xây đúng theo mốc giới đất cũ mà xây lấn ra đất đường ngõ xóm gây khó khăn cho gia đình cụ Ch đi lại, ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt của gia đình cụ. Vì vậy, cụ Ch khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc cụ T và cụ Th phải tháo dỡ các công trình xây dựng của mình lấn chiếm ra đường ngõ xóm để trả lại không gian lối đi chung cho con đường ngõ xóm đang bị cụ T và cụ Th sử dụng trái phép theo bản đồ địa chính đã quy hoạch.

Tại đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện của cụ Ch đề ngày 12/4/2022 gửi trực tiếp đến Tòa án vào ngày 28/4/2022. Yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Phan Văn T đối với các thửa đất 128 và 94 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Đào Văn Th đối với thửa đất 91. Tại phiên tòa, bà D xin rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ T và cụ Th ở trên.

Tại phiên tòa, bà D không xác định được các chiều cạnh cụ thể lối đi chung vào thửa đất 94 của gia đình cụ T và các chiều cạnh cụ thể của con đường ngõ xóm đi vào thửa đất 93 của gia đình cụ Ch. Bà D căn cứ vào việc, trước kia đường ngõ xóm rộng, gia đình bà đi lại được bằng cả xe bò kéo rất thoải mái còn bây giờ đường ngõ xóm hẹp gia đình bà không đi nổi xe bò kéo vào nhà nữa. Ngoài ra tại phiên tòa, bà D không trình bày cho Hội đồng xét xử biết nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với các thửa đất liên quan đến con đường ngõ xóm và lối đi chung vào thửa đất 94 của gia đình cụ T mà cụ Ch đang khởi kiện. Sau khi Hội đồng xét xử thông qua kết quả đo đạc kiểm tra hiện trạng các thửa đất 91, 92, 93, 128 thấy thửa đất 92 nhà ông Tr, bà L2 có lấn ra đất đường ngõ xóm 8,3m² nhưng bà D khẳng định cụ Ch không có ý kiến đề nghị gì đối với phần lấn chiếm này của gia đình ông Tr, bà L2.

Bị đơn cụ Phan Văn T trình bày :

Gia đình nhà cụ T đến ở thửa đất 128 từ năm 1978, thời điểm gia đình cụ chuyển đến ở thửa đất 128 thì giữa thửa đất 128 với thửa đất 93 nhà cụ Ch không có lối đi chung như lời trình bày trên của cụ Ch. Năm 1983, gia đình cụ được Nhà nước cấp thửa đất ao số 94 sử dụng. Để có đường đi vào thửa đất ao số 94, gia đình cụ phải bỏ 47m² thửa đất 128 ra để làm lối đi vào thửa đất số 94. Phần diện tích 47m² làm lối đi này, gia đình cụ được Nhà nước cấp chung vào giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 94. Hiện tại, phần diện tích lối đi trên, gia đình cụ xây dựng công trình phụ nhà vệ sinh và trồng rau. Cụ Ch khởi kiện yêu cầu gia đình cụ phải trả phần diện tích lối đi trên cho gia đình cụ Ch đi lại là không có cơ sở nên cụ không đồng ý trả.

Cụ khẳng định thửa đất số 128, gia đình cụ sử dụng đúng mốc giới không có việc xây dựng công trình phụ lấn chiếm ra đất công đường ngõ xóm như cụ

Ch trình bày ở trên. Do vậy, cụ Ch khởi kiện yêu cầu gia đình cụ phải tháo dỡ các công trình xây dựng của mình để trả lại không gian lối đi chung theo bản đồ đã quy hoạch là không có cơ sở nên cụ không đồng ý.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với cụ Đào Văn Th là bị đơn nhưng cụ Th vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không thể lấy được lời khai của cụ Th. Do vậy, cụ Th không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Kiều H trình bày:

Anh là con trai cụ Phan Văn T và cụ Nguyễn Thị L, hiện tại vợ chồng anh đang ở chung với bố mẹ anh tại thửa đất số 128.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất 128, anh xác định đúng như lời trình bày trên của cụ T. Tuy vợ chồng anh ở cùng với vợ chồng cụ T nhưng tất cả các tài sản trên thửa đất 128 đều là tài sản do vợ chồng cụ T tạo lập lên, vợ chồng anh không có công sức gì đóng góp vào khối tài sản này nên anh Hưng từ chối tham gia tố tụng đối với vụ án này.

Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Nguyễn Thị L và cụ Nguyễn Thị Ng nhưng cụ L và cụ Ng vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không thể lấy được lời khai của cụ L và cụ Ng. Do vậy, cụ L và cụ Ng không có lời trình bày.

Với nội dung vụ án như trên tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện YL quyết định:

Căn cứ Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; các điều 175 và Điều 176 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 147, 157, khoản 2 Điều 44 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị Ch về việc, đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất 128 và 94 của cụ Phan Văn T và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 91 của cụ Đào Văn Th, địa chỉ các thửa đất đều ở tại thôn PT, xã YP, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị Ch đối với bị đơn là cụ Phan Văn T và cụ Đào Văn Th.

Xác định cụ Phan Văn T và cụ Đào Văn Th không có hành vi xây dựng công trình lấn chiếm ra đất công cộng.

Ranh giới phần diện tích đường ngõ xóm đi vào thửa đất 93 nhà cụ Ch tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm được xác định bởi các chỉ giới: 20, G, H, I, K, L, C, D, E, F, 18, 19 thể hiện tại Trích đo địa chính hiện trạng thửa đất ngày 03/11/2022 của Công ty cổ phần khảo sát đo đạc và xây dựng KH.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 bà Nguyễn Thị D – người đại diện theo ủy

quyền của cụ Nguyễn Thị Ch kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm. Đề nghị xem xét lại bản đồ địa chính của xóm ngõ từ năm 1978.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện YL.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn làm trong hạn luật định hợp lệ được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thấy rằng:

Theo bản đồ địa chính 299 thì lối đi chung vào đất nhà cụ Ch tính từ đầu đường ngõ xóm (thửa đất 127) là đất nhà ông Gi; thửa đất 128 là đất nhà cụ T; thửa đất 129 là đất nhà ông Lịch; thửa đất 91 là đất nhà cụ Th; thửa đất 92 là đất nhà ông Tr con trai cụ Th; thửa đất 93 là đất nhà cụ Ch và thửa đất 94 là đất nhà cụ T.

Thửa đất 91 (đất của cụ Th) có diện tích là 246m², thửa đất 92 (đất của ông Tr con trai cụ Th) có diện tích là 392m²; thửa đất 93 (đất của cụ Ch) diện tích là 266m²; thửa đất 94 (đất của cụ T) có diện tích là 324m² và thửa đất 128 (đất của cụ T) có diện tích là 428m².

Theo bản đồ VN 2000 thì thửa đất 91 được tách ra làm 2 thửa gồm thửa 556 có diện tích là 290.8m² và thửa 557 có diện tích là 271.9m²; thửa đất 92 là thửa 523 có diện tích là 414.6m²; thửa đất 93 là thửa 522 có diện tích là 309.6m²; thửa đất 94 là thửa 829 có diện tích là 354.1m² và thửa đất 128 là thửa 830 có diện tích là 459.8m². Bản đồ này đến nay chưa có hiệu lực pháp luật.

Giữa thửa đất 93 nhà cụ Ch và thửa đất 128 nhà cụ T có một lối đi, đi vào thửa đất 94 nhà cụ T. Lối đi này được xác định là lối đi riêng vào đất cụ T không phải là lối đi chung đất công cộng như cụ Ch xác định, phần diện tích lối đi này nằm trong tổng diện tích thửa đất 94 của cụ T và gia đình cụ T đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo kết quả đo đạc hiện trạng thực tế sử dụng đất của Công ty cổ phần khảo sát đo đạc và xây dựng KH (gọi tắt là Công ty đo đạc KH) đo vẽ ngày 03/11/2022 thì thửa đất 91 có diện tích là 373.4m², thửa đất 92 có diện tích là 415.4m², thửa đất 93 có diện tích là 297m², thửa đất 128 có diện tích là 496.7m².

Bản đồ 299 quy hoạch chiều rộng lối đi chung vị trí giáp ranh giữa thửa đất 129 nhà cụ L1 và thửa đất 128 nhà cụ T là 2.10m; vị trí giáp ranh giữa thửa đất 91 nhà cụ Th và thửa đất 128 nhà cụ T tại chỗ mốc giới đất cụ L1 và đất cụ

Th chiều thẳng sang đất cụ T là 1.96m; vị trí đường cọc rẽ phải vào đường nhà cụ Ch là 1,80m.

Kết quả so sánh mốc giới các chiều cạnh của các thửa đất giữa bản đồ 299 (bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) với mốc giới hiện trạng đo đạc thực tế đất của các hộ đang sử dụng sau khi ốp bản đồ 299 thì thấy: Đối với phần đất của gia đình cụ Th: Bờ tường bao loan xây giữa đất nhà cụ Th và đường ngõ xóm vào đất nhà cụ Ch gia đình cụ Th không xây lấn chiếm ra đất giao thông công cộng; Đối với phần đất của gia đình cụ T: Bờ tường bao loan và công trình phụ gồm bếp và khu vệ sinh xây giữa đất nhà cụ T song song với đường ngõ xóm đi vào đất nhà cụ Ch gia đình cụ T không xây lấn chiếm ra đất giao thông công cộng; Đối với phần đất của gia đình ông Tr, bà L2 xác định, tại vị trí điểm F, E, P của trích đo địa chính hiện trạng thửa đất đo vẽ ngày 03/11/2022 của Công ty đo đạc KH thì gia đình ông Tr, bà L2 đang xây dựng bờ tường bao loan lấn ra đất giao thông công cộng diện tích 8.3m². Do cụ Ch không có yêu cầu gì đối với phần lấn chiếm này nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Tại vị trí các điểm E, P, L, M, N, A, B, C, D E thể hiện tại trích đo địa chính hiện trạng thửa đất của Công ty đo đạc KH thì gia đình cụ Ch đang sử dụng lấn chiếm sang diện tích thửa đất 94 của gia đình cụ T là 28.8m². Phần lấn chiếm này nằm ở vị trí lối đi riêng vào thửa đất 94 của gia đình cụ T và gia đình cụ T đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 28.8m² này. Gia đình cụ T không ai có yêu cầu gì đối với phần lấn chiếm này nên không đặt ra xem xét giải quyết. Hiện tại gia đình cụ T đang sử dụng liên thông 02 thửa đất 94 và thửa đất 128 với nhau không có ranh giới từng thửa.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập chứng cứ đối với những người lớn tuổi đang sinh sống tại khu vực đất tranh chấp nhưng tất cả đều từ chối cung cấp thông tin liên quan đến nội dung yêu cầu khởi kiện của cụ Ch. Tại cấp sơ thẩm, bản thân cụ Ch và bà D không đưa ra được các căn cứ liên quan đến nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của các hộ có đất liền kề với đường ngõ xóm đi vào đất cụ Ch và lối đi chung đi vào thửa đất 94 nhà cụ T để chứng minh, gia đình cụ T và gia đình cụ Th có hành vi xây dựng công trình lấy chiếm ra đất công cộng ảnh hưởng đến quyền được đi lại của các thành viên trong gia đình cụ Ch mà còn tỏ thái độ chống đối không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Tại cấp phúc thẩm bà D cũng không đưa ra được các chứng cứ chứng minh về việc lấn chiếm đường đi của các hộ gia đình xung quanh.

Như vậy căn cứ vào kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại UBND xã YP, lời khai của các bên đương sự có cơ sở xác định gia đình cụ T và gia đình cụ Th không có hành vi xây dựng công trình lấn chiếm ra đất công cộng (đường ngõ xóm) đi vào thửa đất 93 của cụ Ch và lối đi chung đi vào thửa đất 94 của cụ T. Cần xác định ranh giới phần đất công cộng quy hoạch đường ngõ xóm đi vào thửa đất 93 nhà cụ Ch được xác định bởi các chỉ giới: 20,

G, H, I, K, L, C, D, E, F, 18, 19 thể hiện tại Trích đo địa chính hiện trạng thửa đất ngày 03/11/2022 của Công ty cổ phần khảo sát đo đạc và xây dựng KH.

Kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận cần giữ nguyên bản án sơ thẩm để ổn định sinh hoạt của các hộ gia đình.

[3] Về chi phí tố tụng: Cụ Nguyễn Thị Ch phải chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng) chi phí thẩm định, lệ phí đo đạc kiểm tra hiện trạng 04 thửa đất. Xác nhận cụ Ch đã nộp đủ, Tòa án đã chi phí xong.

[4] Về án phí: Nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí do đó căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án cần miễn nộp tiền án phí cho nguyên đơn.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; các điều 175 và Điều 176 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 147, 157, khoản 2 Điều 44 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị Ch về việc đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất 128 và 94 của cụ Phan Văn T và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 91 của cụ Đào Văn Th, địa chỉ các thửa đất đều ở tại thôn PT, xã YP, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị Ch đối với bị đơn là cụ Phan Văn T và cụ Đào Văn Th.

Xác định cụ Phan Văn T và cụ Đào Văn Th không có hành vi xây dựng công trình lấn chiếm ra đất công cộng.

Ranh giới phần diện tích đường ngõ xóm đi vào thửa đất 93 nhà cụ Ch tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm được xác định bởi các chỉ giới: 20, G, H, I, K, L, C, D, E, F, 18, 19 thể hiện tại Trích đo địa chính hiện trạng thửa đất ngày 03/11/2022 của Công ty cổ phần khảo sát đo đạc và xây dựng KH.

3. Về chi phí tố tụng: Cụ Nguyễn Thị Ch phải chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng) chi phí thẩm định, lệ phí đo đạc kiểm tra hiện trạng 04 thửa đất. Xác nhận cụ Ch đã nộp đủ, Tòa án đã chi phí xong.

4. Về án phí: Cụ Nguyễn Thị Ch được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện YL;
- VKSND huyện YL;
- Chi cục THADS huyện YL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thuý Mai